TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST Ngày: 08/5/2025 *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Kim Thành
2. Ông Nguyễn Văn Luận

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1986; Địa chỉ: số nhà 35, ngách 20, ngõ 5, đường H, phố K, phường N, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1980; Nơi thường trú: số nhà 35, ngách 20, ngõ 5, đường H, phố K, phường N, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: số nhà 02, ngách 27, ngõ 36, đường L, phố B, phường N, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: chị Q vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai nguyên đơn chị Bùi Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn; đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2012 tại UBND phường N, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ

chồng không hợp, anh T mải chơi không quan tâm đến vợ con dẫn đến thường xuyên cãi vã, không giải quyết được. Từ giữa tháng 10/2024 đến nay anh T chuyển hẳn về nhà bố mẹ đẻ tại số nhà 02, ngách 27, ngõ 36, đường L, phố B, phường N, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình sinh sống không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay tôi xác định, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

Về con chung: chúng tôi có 01 con chung là cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 31/05/2019, hiện nay cháu đang do tôi trực tiếp chăm sóc. Khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi cháu. Với lý do: hiện nay tôi đang làm việc tại Công ty TNHH Công nghệ thương mại và dịch vụ Tân Hải Nam, thu hập ổn định từ 6.500.000 đồng đến 8.500.000 đồng/tháng. Về cấp dương nuôi con tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 06/03/2025 bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô Q kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình ngày 27/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng vẫn chung sống tại phường N, quá trình chung sống hai vợ chồng vẫn diễn ra bình thường hạnh phúc. Nay gia đình bố mẹ đẻ già yếu cô Q có đơn ly hôn, tôi đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng về sống với nhau nuôi con và phụng dưỡng bố mẹ già ốm đau.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung cháu tên là Hoàng Khánh L, sinh ngày 31/5/2019.

Tài sản chung: không có gì.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N có quan điểm*:**

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc quyết định hoãn phiên tòa đúng với quy định tại.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không ký biên bản phiên họp công khai chứng cứ, không tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng các điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, đề nghị HĐXX xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Q về việc ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: giao cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 31/05/20219 cho chị Bùi Thị Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí ly hôn: chị Bùi Thị Q phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền quyền giải quyết vụ án: vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; bị đơn anh Thơ cư trú tại phường N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình; do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: chị Q là nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T là bị đơn mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2].Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: chị Bùi Thị Q và anh Hoàng Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/02/2012 tại UBND phường N, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu khởi kiện:

+ Về quan hệ hôn nhân: theo trình bày của nguyên đơn sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, anh T mải chơi không quan tâm đến vợ con dẫn đến thường xuyên cãi vã, không giải quyết được, từ giữa tháng 10/2024 đến nay anh T chuyển hẳn về nhà bố mẹ đẻ tại số nhà 02, ngách 27, ngõ 36, đường L, phố B, phường N, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình sinh sống không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bị đơn xác định quá trình chung sống hai vợ chồng vẫn diễn ra bình thường hạnh phúc và mong muốn Tòa án hòa giải để hai vợ chồng về sống với nhau nuôi con và phụng dưỡng bố mẹ già ốm đau. Quá trình giải quyết vụ án chị Q xác định không còn tình cảm với anh T và xin ly hôn; mặc dù anh T mong muốn Tòa án hòa giải để hai vợ chồng về sống với nhau nuôi con và phụng dưỡng bố mẹ già ốm đau. Tuy nhiên Tòa án đã được gửi thông báo hợp lệ phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh T đến nhưng không không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q, không ký biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tham gia phiên hòa giải. Chứng tỏ anh T cũng không có ý thức hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Q.

Quá trình xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: khoảng gần một năm trở lại đây không thấy anh T sinh sống cùng với mẹ con chị Q; anh T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại phố B, phường N để sinh sống. Quá trình vợ chồng chị Q, anh T chung sống cũng không hòa hợp có xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, xô sát. Thời

gian gần đây anh T có uống rượu và một vài lần xuống nhà chị Q đang sinh sống để chửi bới gây sự.

Như vậy, có thể khẳng định tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa chị Q với anh T và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: chị Q và anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 31/05/2019 hiện đang do chị Q trực tiếp chăm sóc. Khi ly hôn chị Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Xét thấy, cháu L còn nhỏ cần được mẹ chăm sóc. Quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh T không có ý kiến gì về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện cho cháu, chị Quỳnh cũng đủ điều kiện nuôi dưỡng con, do đó cần giao cháu L cho chị Q chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, khi cần chị Q và anh T có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Q không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung; xét đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

+ Về tài sản, công nợ chung: chị Q không yêu cầu giải quyết, quá trình Tòa án giải quyết anh T không có ý kiến gì về tài sản, công nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: chị Bùi Thị Q phải chịu án phí đối với vụ án Hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Q đối với anh Hoàng Văn T.

1. Về hôn nhân: cho chị Bùi Thị Q ly hôn anh Hoàng Văn T (quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: giao chị Bùi Thị Q được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 31/05/2019 từ tháng 05/2025 đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Q trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh T không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: không có

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Bùi Thị Q phải chịu 300.000^{đ}. Được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002325 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình.

5. Quyền kháng cáo: chị Q, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Ngọc Bình